TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **202/**2019/HS-ST.
Ngày: 27/12/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trần Kiên.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vượng;

Ông Trịnh Văn Nhất.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Lan – Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân*** *thành phố B* tham gia phiên toà: Bà Đặng Minh Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 195/2019/TLST-HS, ngày 03 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức Đ**, sinh năm 1975; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số nhà 26, ngõ 74, đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đức C, sinh năm 1932 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1937 (đã chết); vợ: Lã Thị H, sinh năm 1974; con: Có 01 con, sinh năm 1995; tiền án: Tại Bản án số: 82/2018/HSST ngày 29/6/2018, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 14 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Bản án số: 79 ngày 27/5/1997. Tòa án nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) xử phạt 12 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản của công dân". Tại Quyết định xử phạt hành chính số: 169 ngày 07/11/2001, Công an thị xã B (nay là thành phố B) xử phạt 100.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản". Tại Bản án số: 53 ngày 06/02/2002, Tòa án nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) xử phạt 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tại Bản án số: 04/HSST ngày 13/02/2004, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Nam Định xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tại Bản án số: 148/2006/HSST ngày 29/9/2006, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 10 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tại Bản án số: 62/2008/HSST ngày 16/5/2008, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tại Quyết định xử phạt hành chính số: 06/CABG ngày 04/12/2009, Công an thành phố B xử phạt 150.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản". Tại Bản

án số: 146/2010/HSST ngày 16/9/2010, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tại Bản án số: 286/2012/HSST ngày 31/10/2012, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 22/7/2012; ra trại ngày 22/01/2015. Đã chấp hành xong phần dân sự ngày 29/8/2013.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/10/2019, hiện tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Chị Đặng Thị Thu H, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số nhà 16, ngách 24, ngõ 225, đường L, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Vũ Đăng K, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số nhà 35Đ, đường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt tại phiên tòa).

2. Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1966; nơi cư trú: Số nhà 26, ngõ 74, đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 19/10/2019, bị cáo đi bộ một mình trên các tuyến phố thành phố B xem ai có sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đi đến số nhà 28A, ngõ 269, đường N, phường H, thành phố B, bị cáo nhìn thấy tại đây có một dãy trọ không đóng cổng, trong đó có phòng trọ số 2 của chị Đặng Thị Thu H, cửa phòng trọ khép hờ, không cài chốt khóa nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo dùng tay mở cửa phòng trọ thấy chị H đang ngủ, bị cáo quan sát và trộm cắp được số tài sản của chị H gồm: 01 chiếc túi da màu đen bên trong đựng 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP 14 inch, màu đen, 01 dây sạc nguồn của máy tính xách tay; 01 chiếc túi xách bên trong có 01 chiếc đồng hồ nữ đeo tay nhãn hiệu PIAGER mặt tròn, dây kim loại màu vàng và số tiền 275.000 đồng. Khi ra đến đầu cổng ra vào của dãy trọ, bị cáo cất giấu toàn bộ tài sản vừa trộm cắp được vào khu vực rìa bờ tường dưới gốc cây gần cổng rồi đi bộ về nhà mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu xám, biển kiểm soát 49V2-4122 của anh trai là Nguyễn Đức H và quay lại lấy số tài sản trên về nhà cất giấu. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, bị cáo mang chiếc máy tính xách tay trộm cắp được đến bán cho ông Vũ Đăng K được số tiền 1.500.000 đồng. Số tiền bán máy tính xách tay cùng số tiền 275.000 đồng trộm cắp được bị cáo khai đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 156A/KL-HĐĐG ngày 22/10/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP 14 inch, 750G; Ram 4G, màu đen, đã cũ qua sử dụng, có trị giá 1.800.000 đồng; 01 chiếc túi da đựng máy tính xách tay HP, màu đen, đã cũ qua sử dụng, có trị giá 100.000 đồng; 01 dây sạc nguồn máy tính xách tay nhãn hiệu HP, đã

cũ qua sử dụng, có trị giá 450.000 đồng; 01 chiếc đồng hồ nữ đeo tay, nhãn hiệu PIAGER, dây kim loại, đã cũ qua sử dụng, có trị giá 100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 2.450.000 đồng + 275.000 đồng = 2.725.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số: 201/CT-VKS ngày 30/11/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố Nguyễn Đức Đ về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà:

Bị cáo Nguyễn Đức Đ khai nhận toàn bộ hành vi như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 19/10/2019, bị cáo đã trộm cắp tài sản của chị Đặng Thị Thu H, gồm: 01 chiếc túi da màu đen bên trong đựng 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP 14 inch, màu đen, 01 dây sạc nguồn của máy tính xách tay; 01 chiếc túi xách bên trong có 01 chiếc đồng hồ nữ đeo tay nhãn hiệu PIAGER mặt tròn, dây kim loại màu vàng và số tiền 275.000 đồng. Bị cáo mang chiếc máy tính xách tay trộm cắp được đến Cửa hàng sửa chữa điện thoại K, địa chỉ số 36Đ, đường N, phường L, thành phố B bán cho chủ cửa hàng là anh Vũ Đăng K được số tiền 1.500.000 đồng. Số tiền bán máy tính xách tay cùng số tiền 275.000 đồng trộm cắp được bị cáo đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Nay, bị cáo thấy là đã vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Bị hại là Đặng Thị Thu H xác định:

Đêm ngày 19/10/2019, chị bị kẻ gian đột nhập vào phòng trọ của chị trộm cắp tài sản, gồm: 01 chiếc túi da màu đen bên trong đựng 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP 14 inch, màu đen, 01 dây sạc nguồn của máy tính xách tay; 01 chiếc túi xách bên trong có 01 chiếc đồng hồ nữ đeo tay nhãn hiệu PIAGER mặt tròn, dây kim loại màu vàng và số tiền 275.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ việc, Công an thành phố B đã trả lại cho chị chiếc đồng hồ nữ đeo tay, nhãn hiệu PIAGET. Nay chị yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị 2.275.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức H, xác định:

Ông là anh ruột của bị cáo. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 49V2-4122, là tài sản của ông. Khi cho mượn xe, ông không biết bị cáo sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho ông, nay ông không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Đăng K, xác định: Chiều ngày 19/10/2019, ông có mua chiếc máy tích xách tay Nguyễn Đức Đ đem bán nhưng ông không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có. Sau đó, ông đã bán lại cho người khác. Nay, ông không có ý kiến gì.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên toà sau khi phân tích tính chất, nội dung hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vẫn giữ nguyên về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố Nguyễn Đức Đ phạm tội: "Trộm cắp tài sản" .

2. Về áp dụng điều luật và mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Đức Đ từ 12 tháng đến 16 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 20/10/2019).

3. Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Đặng Thị Thu H 2.275.000 đồng.

4. Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

Phần tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo thấy là sai trái, là vi phạm pháp luật, đề nghị được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Căn cứ các chứng cứ tài liệu được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về tội danh:

Sau khi xem xét lời khai của bị cáo, bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có trong hồ sơ cũng như tại phiên toà, cũng như tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy:

Khoảng 02 giờ 30 ngày 19/10/2019, tại Phòng trọ số 2, số nhà 28A, đường N, phường H, thành phố B, Nguyễn Đức Đ đã có hành vi trộm cắp tài sản gồm 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP 14 inch, 750G; Ram 4G, màu đen, đã cũ qua sử dụng, có trị giá 1.800.000 đồng; 01 chiếc túi da đựng máy tính xách tay HP, màu đen, đã cũ qua sử dụng, có trị giá 100.000 đồng; 01 dây sạc nguồn máy tính xách tay nhãn hiệu HP, đã cũ qua sử dụng, có trị giá 450.000 đồng; 01 chiếc đồng hồ nữ đeo tay, nhãn hiệu PIAGER, dây kim loại, đã cũ qua sử dụng, có trị giá 100.000 đồng và số tiền 275.000 đồng của chị Đặng Thị Thu H. Tổng giá trị tài sản Nguyễn Đức Đ trộm cắp là 2.725.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác.

Bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Nguyễn Đức Đ phạm tội: "Trộm cắp tài sản", theo Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng định khung hình phạt. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tại khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, quy định: "*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000*

đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

Do đó, Cáo trạng số: 201/CT-VKS ngày 30/11/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B - tỉnh Bắc Giang truy tố đối với Nguyễn Đức Đ là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy là có căn cứ, mức hình phạt là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cần xem xét đến các tình tiết như sau:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã có một tiền án, nay lại phạm tội. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan Điều tra, cũng như tại phiên toà, bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội, bị cáo đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ để áp dụng cho bị cáo theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Qua đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo đã có tiền án, có nhân thân không tốt, nên cần buộc các bị cáo phải cách ly ra khỏi xã hội, để giáo dục bị cáo theo Điều 38 của Bộ luật hình sự.

[4]. Về hình phạt bổ sung:

Qua tài liệu lý lịch của bị cáo thì thấy: Bị cáo điều kiện kinh tế khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Đặng Thị Thu H số tiền 2.275.000 đồng.

Đối với ông Vũ Đăng K có hành vi mua chiếc máy tích xách tay Nguyễn Đức Đ đem bán nhưng không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên ông Khoa không vi phạm pháp luật, Hội đồng xét xử thấy là có căn cứ.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 49V2-4122 là của ông Nguyễn Đức H. Khi cho mượn xe, ông Hoàng không biết bị cáo sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên ông Hoàng không vi phạm pháp luật. Ngày 27/11/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho ông Hoàng, Hội đồng xét xử thấy là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

[7]. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, để Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Nguyễn Đức Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Đức Đ **01** (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 20/10/2019).

3. Về trách nhiêm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Đặng Thị Thu H số tiền 2.275.000 đồng (hai triệu, hai trăm, bẩy mươi lăm nghìn đồng).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Nguyễn Đức Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy đinh tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Báo cho bị cáo có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tp B;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tp B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP B;
- Bị cáo;
-Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Trần Kiên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Nguyễn Thị Huệ – Phạm Thị Hải Huyền	**Nguyễn Trần Kiên**